

# VÌ SAO "CÁI KHIẾN CHO" VÀ "CÁI PHẢI LÀ"<sup>(1)</sup> THỐNG NHẤT VỚI NHAU? (TỪ CÁCH CHU HY GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ GIÁ TRỊ XEM XÉT SỰ GIAO NHAU VÀ KHÁC NHAU CỦA TRIẾT HỌC ĐÔNG - TÂY)<sup>(\*)</sup>

MỘNG BÔI NGUYÊN (\*\*)

Trong triết học Chu Hy, các khái niệm "cái khiến cho" và "cái phải là" vừa có sự khác biệt, vừa có sự thống nhất với nhau. Để luận chứng sự thống nhất giữa "cái khiến cho" và "cái phải là", một mặt, tác giả đã trình bày các cách giải thích khác nhau hiện nay về khái niệm "Lý" trong triết học Chu Hy cũng như cách sử dụng nó. Mặt khác, tác giả phân tích cách giải thích và sử dụng Lý của Chu Tử có một số cách giải thích và hàm nghĩa sau: 1/ Là "cái khiến cho"; 2/ Là "cái phải là"; 3/ Là "lý tự nhiên"; 4/ Là "lý của sinh" hoặc "sinh sinh chi lý"; 5/ Là "tính lý"; 6/ Là cái "khiến cho nó như thế"; 7/ Là "đạo lý".

Trong Nho học, vấn đề quan hệ giữa "sự thực" và "giá trị" luôn thiếu ngôn từ xác định để biểu đạt. Cho đến Chu Hy, khái niệm "cái khiến cho" ["sở dĩ nhiên"]<sup>(2)</sup> và "cái phải là" ["sở đương nhiên"] mới được dùng để diễn đạt nó. Thế nhưng, Chu Hy, một mặt, phân rõ sự khác nhau giữa chúng; mặt khác, lại thống nhất hoàn toàn hai khái niệm này để biểu đạt lập trường triết học của mình. Đối với học thuyết quan trọng này của Chu Tử, chúng ta cần đưa ra những giải thích hiện đại về nó.

Tuy nhiên, muốn giải thích rõ ràng về quan hệ thống nhất giữa "cái khiến cho" và "cái phải là", trước hết chúng ta cần hiểu về học thuyết "Lý" của Chu Tử. Bởi vì, "cái khiến cho" và "cái phải là" chỉ đại biểu cho hai nội dung quan trọng của Lý, ngoài ra Lý vẫn có ý nghĩa cơ bản của nó, sự thống nhất của hai khái niệm này được thực hiện trong quá trình triển khai ý nghĩa cơ bản ấy.

## 1. Những giải thích ngày nay về Lý của Chu Tử

Để hiểu thêm về Lý của Chu Tử, cần

thiết phải hiểu một số cách giải thích của người thời nay về nó. Ở đây, chỉ xin nêu ra một số cách lý giải.

Thứ nhất, "Lý" nhằm chỉ lý tính nói chung hoặc một loại lý tính nào đó. Các nhà nghiên cứu cho rằng, Chu Hy là nhà lý tính chủ nghĩa, Lý tức là đại diện cho lý tính, chính là lý tính. Thế nhưng, nó là loại lý tính nào thì lại có các cách giải thích không đồng nhất. Có người cho rằng, nó là "lý tính tư biện", bởi Lý mà Chu Tử nói đến là "siêu hình học", tức chỉ quan niệm hoặc tinh thần tuyệt đối, chứ không như bây giờ chúng ta gọi là lý tính khoa học. Lại có người cho Lý là "lý tính thực dụng", tức là đồng thời cung cấp luận chứng cho chính trị

(\*) Bài đăng trên "Học báo Học viện Sư phạm Tuyến Châu", số 1/2005.

(\*\*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc.

(1) *Sở dĩ nhiên*: cái khiến cho; *Sở đương nhiên*: cái phải là. Đây là hai khái niệm triết học có nội hàm phức tạp, được tác giả triển khai phân tích trong bài - ND.

(2) Các chữ trong [...] là của người dịch.

hiện thực, hoặc phục vụ cho mục đích hiện thực. Một số người khác lại cho rằng, "nhận thức lý tính" tức là sự nhận thức khái niệm.

Vậy, rốt cục lý tính là gì? Tuy trong triết học phương Tây diễn ra tranh luận, song có một quan điểm chung coi đó là thuật ngữ chỉ năng lực lý trí của con người, năng lực này có khả năng nắm bắt được tính phổ biến khách quan, tính tất yếu của sự vật. Nếu xét từ góc độ này, *Lý* của Chu Hy có thể được gọi là lý tính, nhưng nó là loại lý tính nào thì lại do những kiểu lý giải khác nhau mà không giống nhau.

*Thứ hai*, "*Lý*" nhằm chỉ *bản thể*. Điều đó có nghĩa Chu Hy là người bàn về bản thể luận, *Lý* tức là bản thể. Thế nhưng, một khi đã nói đến bản thể thì rất dễ dẫn đến việc dùng bản thể luận phương Tây để tiến hành giải thích, cho rằng *Lý* của Chu Tử chính là bản thể mà triết học phương Tây nói đến. Thực ra, bản thể của triết học phương Tây là thực thể, bản thể luận chính là thực thể luận (phái chủ lưu), bản thể đối lập với hiện tượng, thuộc vào hai thế giới. *Một mặt*, bản thể là bản thể của hiện tượng (chỗ dựa), hiện tượng là hiện tượng của bản thể (cái hiển hiện); *mặt khác*, chỉ có bản thể là chân thực, còn hiện tượng không chân thực. Có học giả chỉ ra rằng, bản thể của triết học phương Tây "chân thực nhưng không hiển lộ", còn hiện tượng lại "hiển lộ nhưng không chân thực"; với triết học Trung Quốc thì bản thể nằm trong hiện tượng, mà hiện tượng thì chân thực (Trương Đại Niên). Nhận định này rất có lý. Song, dấu như vậy đi nữa thì *Lý* mà Chu Hy nói đến có phải là thực thể không? Điều này còn cần phải suy tư thêm. Chu Hy nói tới "Đạo thể lưu hành", "Thiên lý lưu hành" rất giống với thực thể bất biến ở trạng thái tĩnh tại,

nhưng không hẳn là đồng nhất với nó.

*Thứ ba*, "*Lý*" nhằm chỉ *quy luật*, tức cho rằng *Lý* của Chu Hy chỉ quy luật phổ biến của giới tự nhiên. Thế nhưng, học thuyết về quy luật có liên quan mật thiết tới khoa học tự nhiên. Khoa học tự nhiên phương Tây cận đại với đại biểu là nhà vật lý học Newton cùng với triết học tương ứng là cơ giới luận, hoàn nguyên luận, cho rằng giới tự nhiên như một thế giới vật lý máy móc, chịu sự chi phối của luật nhân quả. Thế giới còn được xem như một chiếc đồng hồ, thậm chí bản thân con người cũng giống một cỗ máy tinh xảo. Nhưng *Lý* trong triết học của Chu Tử về cơ bản là nói tới sinh mệnh, mà hiện tượng sinh mệnh thì không thể dùng quy luật cơ giới để giải thích được. Dẫu Chu Hy có nói tới "vật lý", thì cũng không hoàn toàn giống như vấn đề quy luật trong vật lý học phương Tây. "*Vật lý*" mà Chu Tử nói tới có liên quan tới sinh mệnh. Cách nói "gông cùm có tính" là một minh chứng rõ ràng cho điều này.

*Thứ tư*, "*Lý*" nhằm chỉ *phép tắc, nguyên lý*. Hàm nghĩa này coi *Lý* của Chu Hy là cái để chỉ một loại phép tắc hay nguyên lý khách quan nào đó. Tuy nhiên, ở đây có một vấn đề là cái "pháp" đó do ai lập ra? Dựa vào con người mà tạo ra nó, hay nó được tạo ra bởi chủ thể tuyệt đối siêu tự nhiên? Hay là giới tự nhiên vốn có? Nhắc tới "hình pháp" khiến người ta luôn liên tưởng tới một "nhà lập pháp". Triết học Thiên Chúa giáo phương Tây chủ trương "Thượng đế lập pháp"; người theo chủ thể luận lại cho rằng "con người lập pháp vì tự nhiên", cũng "lập pháp vì mình"; hoặc người theo chủ nghĩa tự nhiên chủ trương "luật pháp tự nhiên", v.v.. Rất nhiều người cho rằng, Chu Tử là người theo chủ nghĩa khách quan, ngoại tại. Vậy thì cái "pháp"

này cuối cùng do ai tạo lập? Sức mạnh nào dùng cái “pháp” này để cai trị cả giới tự nhiên lẫn con người? Chu Tử từng nói tới “chúa tể”, nhưng người “cai trị” này không phải là một Thượng đế tại nơi nào đó phát ra hiệu lệnh. Cái gọi là “chúa tể” chính là *Lý*, nhưng *Lý* không phải ở đâu đó, mà ở ngay trong *Tâm*. Bởi thế, con người có thể tự mình làm chủ. Nếu cho rằng Chu Hy là người theo thuyết tha luật [luật ở bên ngoài con người] thì e sẽ vấp phải khó khăn nhất định trong lập luận.

*Thứ năm*, coi “*Lý*” là *hình thức* (hoặc dạng thức) của sự vật. Quan điểm này dùng nguyên nhân hình thức trong “Thuyết bốn nguyên nhân” của Aristốt để giải thích *Lý* của Chu Hy, cho rằng quan hệ giữa *Lý* và *Khí* là quan hệ giữa hình thức và chất liệu. Theo cách giải thích này, bất cứ một vật nào cũng đều là sự cấu thành giữa chất liệu và hình thức, hình thức là cái để xác định một vật là vật đó, chất liệu là thứ để một vật trở thành vật đó. Bất cứ vật nào cũng đều có hình thức của mình, có bao nhiêu sự vật thì cũng có bấy nhiêu hình thức. Do đó, trên thế giới không có vật nào không mang hình thức, thứ không có hình thức nào cả thì chỉ là một đống chất liệu, chẳng phải là cái gì cả. Từ đó suy diễn tiếp ra, hình thức trở thành thứ mang tính căn nguyên quy định lý do sự vật là sự vật. Cái gọi là “chủ nghĩa bản chất” chính ở điểm này. Thuyết hình thức đã rất thành công khi giải thích “duyên do” của *Lý*. Thế nhưng, *Lý* của Chu Hy lại không phải là một hình thức thuần túy; nó không chỉ tồn tại trong *Khí* (vật), mà còn có cả nội dung. Trong triết học Chu Hy, một vật là vật đó chứ không phải vật khác, bị quyết định không chỉ bởi *Lý*, mà còn do *Khí*. Không phải chỉ có *Lý* khác

nhau khiến sự vật không giống nhau, mà còn do *Khí* không giống nhau làm sự vật không giống nhau, thuyết “*Lý* đồng khí dị” chính là như vậy. Xem ra, tình hình đã trở nên rất phức tạp.

*Thứ sáu*, “*Lý*” để chỉ *trình tự*, nghĩa là đại diện cho trình tự hoặc phương hướng phát triển, biến đổi của sự vật, có thể khiến nó “thuận mà không loạn”. Đây là cách giải thích động, tỏ ra phù hợp với nguyên nghĩa của từ này trong triết học Trung Quốc. Trình tự tồn tại bên trong sự vật và có thể quyết định con đường hoặc phương hướng phát triển, biến đổi của sự vật. Thuyết trình tự khẳng định sự phát triển của sự vật có thứ bậc, chứ không phải lộn xộn; có phương hướng chứ không phải đứng im; có thể truy cứu được, chứ không phải không truy cứu được. Cách nhìn này khác biệt hẳn so với thuyết cơ giới. Thuyết trình tự cũng không giống quan điểm quy luật, quy luật có thể lặp đi lặp lại trong những điều kiện giống nhau, nhưng trật tự thì không thể lặp lại, nó chỉ có một lần và mang tính lịch sử. Điều này giống như một người đi đường chỉ đi theo một hướng cho tới khi nào đến nơi đã định, chứ không thể đi con đường ngược lại, cũng không thể đi lại con đường mình đã đi qua. Trình tự quyết định sự hài hoà bên trong sự vật, phức tạp nhưng không rối loạn, nhiều nhưng không tạp, khiến thế giới hình thành một chỉnh thể hữu cơ. Điểm này giống với quan niệm “hài hoà định trước” của thuyết đơn tử [được nêu ra bởi G.W.Leibniz, 1646-1716]. Tuy nhiên, thuyết đơn tử nhấn mạnh tới “ý chí tự do” của cá thể, còn *Lý* giống một thể thống nhất hữu cơ giữa cá thể với chỉnh thể, một vật có *Lý* của vật đó, nhưng cái *Lý* của tất cả thiên địa vạn vật cũng chỉ là một

cái *Lý* (Thái cực). Do vậy, *Lý* là học thuyết về một chỉnh thể có trình tự.

*Thứ bảy*, "*Lý*" nhằm chỉ *quan niệm* hoặc *ý niệm*, coi *Lý* của Chu Hy giống với *ý niệm* kiểu Platon. Điều này có liên quan nhất định tới thuyết hình thức, nhưng hình thức là để nói tới một sự vật cụ thể, *ý niệm* là thuyết thuần túy khái niệm. Khái niệm lại có sự phân chia cấp bậc, do đó mà phân ra khái niệm chung và khái niệm đặc thù, quan hệ giống nhau và khác nhau. Mỗi loại sự vật có một *Lý* chung, các sự vật riêng trong một loại lại có cái *Lý* đặc thù, trong loại lại có loại lớn, là cái *Lý* của tất cả thiên địa vạn vật, cũng tức là *Lý* của Thái cực. Thái cực là *ý niệm* cao nhất, tương đương với *Thiện* của Platon. Từ khái niệm logic giảng về *Lý* của Chu Hy, có thể gọi nó là "phân tích logic" (nhưng không như phân tích được nói tới trong chủ nghĩa thực chứng, mà là sự phân tích khái niệm). Tuy nhiên, khi khái niệm bị tách khỏi trừu tượng, nó lại biến thành tồn tại độc lập, giống như những gì mà thuyết thực tại và thuyết thực tại mới đã bàn. Theo đó, trong triết học của Chu Hy có một "thế giới *Lý*" và so với thế giới hiện thực, nó là siêu không gian thời gian. Đối với *Lý* của Chu Hy, bắt buộc phải tiến hành phân tích khái niệm. Nhưng, có thể có một "thế giới *Lý*" tồn tại độc lập hay không thì còn cần được tiếp tục nghiên cứu. Thực ra, theo Chu Tử, phân tích logic chỉ có *ý nghĩa nhận thức*, chứ không có *ý nghĩa tồn tại*. Từ góc độ tồn tại, *Lý* nằm trong vật và chỉ có thể nằm trong vật. Trong triết học Chu Hy, chỉ có một thế giới, không có hai thế giới. Do vậy, rất khó để nhận định rằng Chu Hy là người theo thuyết quan niệm hay thuyết *ý niệm*.

Những giải thích trên đây đều có nguồn

gốc tư liệu hoặc căn cứ lý luận nhất định; song, phần lớn đều dựa trên một quan niệm nào đó của triết học phương Tây để giải thích Chu Hy. Phải thừa nhận rằng, nghiên cứu triết học Trung Quốc ngày nay không thể tách rời bối cảnh, ngôn ngữ, khái niệm của triết học phương Tây. Chúng ta vẫn phải tham chiếu hoặc sử dụng một số khái niệm của triết học phương Tây để giải thích triết học Trung Quốc. Có điều là, khi làm như vậy, chúng ta cần phải xem xét tới tính phù hợp của nó để thấy được sự tương thông giữa triết học Trung Quốc và triết học phương Tây; đồng thời, phải chỉ ra sự không thích dụng và khác biệt giữa chúng. Có như vậy mới giữ được đặc tính của triết học Trung Quốc, không dẫn tới tình trạng núp dưới khẩu hiệu "tính tương thông" để lấy khái niệm của triết học phương Tây tiến hành giải thích lại toàn bộ triết học Trung Quốc. Tôi không đồng tình với quan điểm cho rằng triết học Trung Quốc với triết học phương Tây hoàn toàn "dị chất" và "không thể nối kết" với nhau; song, từ thừa nhận sự khác biệt (bao gồm quan niệm và phương pháp) cần nêu bật được đặc điểm của triết học Trung Quốc, đó chính là tiền đề để tiến hành đối thoại và hiểu biết lẫn nhau.

## 2. Cách giải thích và sử dụng *Lý* của Chu Hy

Trong số các nhà *Lý học*, Chu Hy là nhà tư tưởng duy nhất giải thích toàn diện về *Lý*. Tuy ông có vận dụng một số phân tích khái niệm, nhưng lại không phải là nhà triết học phân tích khái niệm thuần túy. Trong các hoàn cảnh khác nhau, ông đã giải thích những cách dùng khác nhau của *Lý*, nêu rõ những *ý nghĩa* khác nhau của *Lý* trong những ngữ cảnh khác nhau. Những cách dùng và *ý nghĩa* khác nhau ấy lại có

liên hệ với nhau, có thể nói là đã cùng tạo nên toàn bộ nội dung của *Lý*.

Cụ thể hơn, *Lý* của Chu Tử có một số cách sử dụng và hàm nghĩa sau.

*Thứ nhất*, đó là “*cái khiến cho*”. Đây là cách nói thông dụng nhất của Chu Hy, biểu thị ý nghĩa quan trọng nhất của *Lý*. *Lý* là “hình nhi thượng” [siêu hình học], mang đầy đủ khái niệm trừu tượng hoặc tính chất quan niệm, là khách quan, phổ biến. Những thứ “hình nhi hạ” là cụ thể, có thể cảm biết được. “*Cái khiến cho*” là cái quy định bản chất để một vật là chính vật đó, với đầy đủ ý nghĩa hình thức hoặc “mẫu mực”, nó khiến cho một vật là vật này chứ không trở thành vật khác. Nó còn có tính chất nguyên nhân, nhưng không phải nguyên nhân trong luật nhân quả, cái thứ hai mang tính chất trước sau của thời gian, nguyên nhân có trước rồi mới tới kết quả. Nguyên nhân đề cập ở đây là nói dưới góc độ lôgic, trước có cái “*cái khiến cho*”, sau có cái “*vật như thế*” hoặc “*thực như thế*”. Tuy nhiên, đây chỉ là một suy luận lôgic, trên thực tế không xảy ra như vậy. Chu Hy nói “suy thượng khứ thời, *Lý* tại *Khí* tiên” [xét đến cùng, *Lý* có trước *Khí*] v.v., chính là nói trên phương diện này, chứ không có nghĩa *Lý* thực sự tồn tại trước khi có vật.

Chu Tử tuy vận dụng suy luận lôgic, nhấn mạnh sự quan trọng của “*cái khiến cho*”, nhưng không dựa vào đó để giải thích “*cái khiến cho*” là tồn tại độc lập, vượt không gian thời gian. Chu Hy không nói tới “*tồn tại*”, nhưng có nói riêng tới “*tồn*” và “*tại*”. Ông nói “*tồn tâm*” không phải là tồn một cái tâm trống rỗng, mà là tồn cái *Lý* trong *Tâm*, *Tâm* là chỗ “*tồn*” của *Lý*. Ông còn nhắc tới “*tại vật vi Lý*”, ý nói *Lý* nằm ở bên trong *Vật*. Tất cả đều cho thấy *Lý*

không thể tồn tại độc lập, mà nó chỉ có thể tồn tại trong *Tâm* hoặc *Vật*. Đây cũng chính là quan niệm hình nhi thượng không tách rời hình nhi hạ. *Lý* của “*cái khiến cho*” tuy là hình nhi thượng, song lại không thể tách rời sự vật hình nhi hạ và chỉ có thể tồn tại bên trong sự vật hình nhi hạ. Cái “*hình nhi thượng*” chỉ có đầy đủ ý nghĩa trong nhận thức, nhưng lại không thể tồn tại tự thân. Tồn tại là tồn tại của sự vật cụ thể, tồn tại trong không gian thời gian. Như vậy, cái mà Chu Tử gọi là “*cái khiến cho*” có điều khác so với quan niệm luận của phương Tây. Trong vấn đề này, Chu Hy cho rằng, *Lý* không là “*bản chất có trước tồn tại*”, cũng không phải là “*tồn tại có trước bản chất*”, mà là “*bản chất tức tồn tại*”, bản chất và tồn tại đồng thời tồn tại với nhau.

Nhìn chung, “*cái khiến cho*” là để giải thích sự thực, chứ không hề đề cập tới vấn đề giá trị. Một vật là vuông là tròn, là thuyền là xe, có cái *Lý* “*khiến cho*” vật đó là vuông tròn, là thuyền xe; nó chỉ bản thân sự thực, không có liên quan gì tới thái độ thiện ác cũng như nguyện vọng hoặc nhu cầu chủ quan của con người. Việc người ta thích thú hay không với một loại sự vật nào đó cũng không thể làm thay đổi tính chất hay bản chất của sự vật đó, nó là khách quan. Tuy nhiên, theo Chu Tử, *Lý* của “*cái khiến cho*” có thể nhận thức được, cái học “*cách vật*” [tìm hiểu vật] của ông chính là “*tức vật nhi cùng kì sở dĩ nhiên chi Lý*” [xem xét sự vật để thấu tỏ đến cùng cái *Lý* khiến cho của nó]. Điều đó không chỉ đem lại tri thức, mà quan trọng hơn là muốn giải quyết vấn đề tồn tại của con người và giá trị của nó. Xét đến cùng, tồn tại và giá trị cần phải thống nhất.

*Thứ hai*, đó là “*cái phải là*”. “*Cái phải là*”

của Chu Tử nói về một tính quy định quan trọng khác của *Lý*, có vị trí ngang bằng với "cái khiến cho", thường được dùng chung với nhau, gọi là "Lý của cái khiến cho và cái phải là". Quan hệ giữa chúng sẽ được bàn kỹ trong phần sau, ở đây chỉ bàn về "cái phải là".

"Cái phải là" chính là cái "cần phải", "*Lý* của cái phải là" là đạo lý cần phải như thế. Theo đạo lý đó mà làm, chính là "đương nhiên thế"; không làm theo đạo lý ấy sẽ là "*Lý* sở bất dung" [thứ mà *Lý* không dung chứa được]. Đây rõ ràng là một phạm trù giá trị. Về mặt biểu đạt ngôn ngữ, "cái khiến cho" là câu trần thuật, "cái phải là" là câu sai khiến hay câu mệnh lệnh, yêu cầu người ta làm như thế này hoặc như thế kia mới đúng đắn. Yêu cầu loại này được cho là xuất phát từ nguyện vọng chủ quan, không liên quan gì tới bản thân sự thực. Tuy nhiên, với tư cách một loại lý tính, đồng thời nó được coi như một loại nguyên tắc phổ biến, cũng là một thứ mệnh lệnh ngầm, mọi người đều cần phải tuân theo. Vấn đề đặt ra là, nguyên tắc hay mệnh lệnh đó xuất phát từ đâu? Nó là siêu nghiệm hay kinh nghiệm, là tự luật hay tha luật? Chu Tử giải đáp vấn đề này như thế nào?

Nếu là kinh nghiệm, thì nó được hình thành dần dần trong hoạt động theo thời gian của con người, hoặc là một loại tập tục, hoặc là một thứ quy ước dựa trên một nhu cầu nào đó mà chế định ra. Tuy nhiên, sau khi trải qua "nội hoá", nó biến thành chuẩn tắc cho hành vi thông thường của con người. "*Lý* cái phải là" của Chu Hy dường như không phải là cái *Lý* như vậy. Bởi lẽ, Chu Tử tuy coi trọng sự tích lũy kinh nghiệm, nhưng về cơ bản, *Lý* là tiên thiên, có trước kinh nghiệm.

Nếu là siêu nghiệm, thì không cần tới bất cứ kinh nghiệm nào mà đã có đủ tính phổ biến và hiệu quả, chỉ có thể tuân theo vô điều kiện. Nhưng ở đây lại xảy ra tình huống khác. Một bên là năng lực có được từ lý tính có trước kinh nghiệm, thừa nhận lý tính con người có đầy đủ năng lực như vậy (như quan niệm của Kant); một bên là thứ tồn tại có trước cả lý tính con người, lý tính con người chỉ có thể nhận thức và tiếp nhận, từ đó biến thành của mình. Cái trước gọi là tự luật, cái sau là tha luật. Vậy, quan niệm của Chu Tử thuộc về loại nào?

Đây là vấn đề vô cùng phức tạp. Nếu nói Chu Tử là người theo thuyết tự luật, thì bắt buộc phải thừa nhận tự thân chủ thể có thể sáng tạo phép tắc đạo đức. Chủ thể ở đây chính là bản tâm đạo đức tiên nghiệm, tự thân đã là lý tính đạo đức. Khảo sát tác phẩm của Chu Hy cho thấy, đúng là có những luận điểm như vậy. Ông cho rằng, bản tâm chính là *Tính*, mà "*Tính* tức *Lý*"; rằng, bản thể tồn tại chính là *Lý* "cái phải là". Nếu nói Chu Tử là người theo thuyết tha luật, thì sẽ không thừa nhận *Tâm* có đầy đủ lý tính đạo đức, *Lý* nằm bên ngoài *Tâm*, chỉ có thể thông qua nhận thức để có được phép tắc ấy, cái *Tâm* này chỉ có thể là cái *Tâm* nhận biết. Vì vậy, "*Lý* cái phải là" chỉ có thể là thứ ý niệm khách quan mà thôi.

Thực ra, giống như các nhà *Lý* học khác, Chu Tử là người theo thuyết *thiên nhân hợp nhất*, chứ không phải là nhà nhị nguyên luận coi con người đối lập với tự nhiên. Đây là tiền đề cơ bản. Tuy giữa họ có sự khác biệt hay tranh luận này khác, song lại thống nhất về xuất phát điểm cơ bản và khuynh hướng lý luận. Cái mà Chu Tử gọi là "cái phải là" có đủ tính khách quan không thể nghi ngờ, nhưng ông không hề

cho rằng *Tâm* chỉ là cái *Tâm* nhận thức, mà không mang chút nghĩa chủ thể đạo đức nào. Trong học thuyết của Chu Hy, có thuyết “có cái *Lý* ngoài *Tâm*” và “cách vật trí tri”, nhưng nó không gây trở ngại gì tới thuyết “*Tâm* thể tức *Tính*” (bản thể của *Tâm* là *Tính*) và “*bản tâm*”. Ở tầng thứ nhận thức, Chu Tử thừa nhận có sự phân biệt chủ thể - khách thể, cho nên mới có cái học “cùng *Lý*”. Nhưng “*Lý* của vật”, rốt cục lại dẫn đến “*Lý của Tính*”, mà “*Lý của Tính*” lại là vấn đề tồn tại, chứ không phải là vấn đề nhận thức. Chúng ta nói học thuyết của Chu Hy có phần nhận thức luận, nhưng về cơ bản là tồn tại luận, bởi điểm cốt lõi của học thuyết là lý luận thiên nhân hợp nhất, con người với tự nhiên là một thể. Do đó, cái *Lý* “cái phải là” cũng là cái *Lý* có đầy đủ trong *Tâm*. Nói một cách khách quan, nó là phép tắc của tự nhiên; nói một cách chủ quan, nó là cái *Lý* mà *Tâm* có đầy đủ. Nếu nhất thiết cần phải có sự phân biệt, thì có thể nói rằng, xét về nguyên tắc và giá trị sáng tạo sinh mệnh của giới tự nhiên, nó là tha luật; xét về *Lý* chỉ có thể tồn tại được trong *Tâm* người và do *Tâm* người thực hiện, nó lại là tự luật. Ở đây, con người là chủ thể chân chính, *Tâm* của nó chính là *Tâm* đạo đức. Bởi vậy, không thể dùng kiểu lôgic “không phải cái này thì là cái kia” để xem xét học thuyết Chu Tử.

*Thứ ba*, đó là “*Lý tự nhiên*”. Ở đây bàn tới căn nguyên của *Lý*. Khi Chu Hy nhắc đến “cái khiến cho” và “cái phải là”, ông cũng thường nói “không gì không phải là cái *Lý* tự nhiên”. Có thể thấy, “tự nhiên” đồng thời bao hàm “cái khiến cho” và “cái phải là”. Nhưng “tự nhiên” mà Chu Tử nói tới chính là tồn tại tối cao, trong đó bao

hàm giá trị cao nhất của khả năng. Bên trên “tự nhiên” không còn thứ gì nữa, “tự nhiên” chính là cái mà Nho gia gọi là *Trời*, là toàn thể giới vũ trụ tự nhiên, cũng là chính thể sinh mệnh. “*Lý tự nhiên*” chính là “*Thiên lý*”. Như vậy, tất cả quan hệ giữa hình thượng hình hạ [siêu hình, hữu hình], thể và dụng đều tồn tại trong chính thể này. “*Thứ siêu hình*” chắc chắn không phải là một quan niệm tuyệt đối hay tinh thần tuyệt đối siêu tự nhiên, mà chỉ là một tầng thứ của tự nhiên. Đối với giới tự nhiên vật chất, nó có tính siêu vượt, là tính tinh thần, nhưng hoàn toàn không phải là thực thể siêu việt tuyệt đối. Con người cũng là một bộ phận của giới tự nhiên, nó không phải là chủ thể đối lập với tự nhiên, càng không phải là “*chúa tể*” điều khiển tự nhiên, nhưng nó chiếm một địa vị đặc thù trong tự nhiên. Trong học thuyết của Chu Tử, có thể nói *Tâm* là chủ thể của con người, *Lý* là chủ thể của tự nhiên, nhưng *Tâm* là *Tâm* của con người, thân tâm hợp nhất; *Lý* là *Lý* của tự nhiên và thống nhất với tự nhiên. Quan trọng hơn, *Lý* không ở đâu khác mà ở ngay trong *Tâm*. Đây chính là thuyết thiên nhân hợp nhất của Chu Hy, khác hẳn với quan điểm nhị nguyên của phương Tây đối lập con người với tự nhiên.

Tự nhiên là tên gọi chung của tồn tại và tác dụng của nó. Xét ở góc độ tồn tại, nó là chủ thể cao nhất, nhưng không phải là thực thể mà là quá trình “đạo trời lưu hành”, “*Lý tự nhiên*” chính là trật tự có đầy đủ trong quá trình tồn tại và phát triển của giới tự nhiên. Xét ở góc độ công năng, “tự nhiên” chính là tự mình như thế, tự nhiên như thế, tự nó quyết định chính nó, không có chủ thể nào khác. Giải thích tự nhiên từ góc độ này là rất đúng. Từ quá trình để giải

thích tồn tại, từ công năng giải thích bản thể, đó chính là ý nghĩa vốn có của học thuyết Chu Hy. Tuy nhiên, không thể chỉ thông qua quá trình mà không nói tới tồn tại, hoặc chỉ thông qua tồn tại mà không nói tới quá trình.

*Thứ tư*, đó là "*Lý của sinh*" hoặc "*sinh sinh chi Lý*". Đây chính là nội dung trọng tâm của *Lý*, cũng là nơi thể hiện ý nghĩa giá trị của *Lý*. *Lý của sinh* chính là nguyên lý sáng tạo sinh mệnh, là thứ bao chứa trong "*Lý tự nhiên*". Cái "*Lý tự nhiên*" thực chất chỉ là "*sinh sinh chi Lý*". Giới tự nhiên là quá trình sáng tạo sinh mệnh "sinh sinh bất túc" [sinh sôi không ngừng nghỉ], sự sáng tạo sinh mệnh của nó là có trật tự. Cho nên, cái gọi là "*Lý của sinh*" ở đây cũng tức là "trật tự của trời". Chữ "*Lý*" có thể biểu đạt ý nghĩa của tính phổ biến của nó, có thể gọi là một thứ "mang tính chất của *Lý tự nhiên*". Song, điều này còn liên quan tới một vấn đề lớn - ý nghĩa sinh mệnh của con người.

*Dịch truyện* nói: "Đại đức của đất trời là sinh". "Sinh sinh chi vị dịch" [sinh sôi không ngừng đó chính là Dịch]. Chữ "sinh" ở đây chứa toàn bộ tinh túy của *Chu dịch*, cũng là toàn bộ tinh túy của Nho học. Mọi người đều nói, "Dịch" có 3 nghĩa: biến dịch, không khác, giản dị. Nhưng 3 nghĩa của "Dịch" nói chung để bàn tới đạo biến hoá của giới tự nhiên, trong đó lấy sinh mệnh làm nội dung trung tâm, từ đó mới có cái học thuyết "thiên nhân hợp nhất" của *Dịch truyện*. Âm dương biến hoá phức tạp, nhưng về bản chất, âm dương bao hàm sinh mệnh. Cái gọi là "bất dịch" chính muốn nói đạo sinh sinh là thứ bất biến trong muôn vạn biến đổi. Cái "giản dị" là để nói tới sự

giản đơn sáng rõ của ý nghĩa sinh mệnh được bao hàm trong đất trời. *Dịch truyện* nói: "Dịch giản nhi thiên hạ chi Lý đắc" [Dịch tuy giản dị nhưng có được đủ cái Lý của thiên hạ]. "*Lý*" ở đây chính là "*Lý của sự sinh*". Triết học của "sinh" là một sợi dây quan trọng trong sự phát triển của triết học Trung Quốc, học thuyết "sinh" của *Dịch truyện* là cội nguồn tư tưởng quan trọng nhất của Lý học. "Vạn vật hoá sinh" của Chu Đôn Di, "Phụ mẫu cần khôn" của Trương Tải cho đến "Tâm của đất trời lấy sinh làm gốc", "Trời chỉ lấy sinh làm đạo" của Trình Hạo, "Tâm là sinh đạo" của Trình Di, đều lấy "sinh" làm đạo, làm lý. Chu Tử là nhà "tập đại thành", đương nhiên cũng không nằm ngoài hiện tượng ấy. Ông tuy đưa ra các cách giải thích khác nhau về *Lý*, nhưng "*Lý của sự sinh*" là then chốt. Điều này là có thể chắc chắn. Trong "*Nhân thuyết*" [nói về điều *Nhân*], ông đưa ra luận điểm nổi tiếng "Thiên địa lấy việc sinh ra vật làm *Tâm*, con người lấy cái *Tâm* của trời sinh ra muôn vật làm *Tâm* của mình". Đó là một bước phát triển hơn nữa tư tưởng trên. Ở đây, chữ "*Tâm*" và chữ "sinh" có liên hệ nội tại, cả hai có quan hệ bản chất với "*Lý*". Đây là điểm cốt lõi trong học thuyết thiên nhân của Chu Hy.

*Thứ năm*, đó là "*Tính Lý*". Nhiều người cho rằng, Chu Hy và Trình Di đều chủ trương "Tĩnh tức Lý", cho nên gọi là cái học "Tĩnh Lý". *Lý của Tĩnh* chính là lý tính đạo đức trong nhân tính, *Lý* là lý tính đạo đức. Ở đây đã theo cách nói chủ thể hoá. Nhưng, *Lý của Tĩnh* và *Lý của Sinh* có sự liên hệ không thể phân chia, *Lý của Tĩnh* là sự thực hiện *Lý của Sinh*. Nếu nói *Lý của Sinh* là ở góc độ khách quan, hoặc góc độ

tồn tại, thì *Lý của Tính* là từ góc độ chủ quan, hay góc độ giá trị. Song, đây không phải là sự phân chia rõ ràng thành tồn tại độc lập kiểu nhị nguyên, *Lý của Tính* chính là cái *Lý của Sinh* ở trong con người. Trong tồn tại có hàm nghĩa giá trị, trong giá trị có cơ sở tồn tại. Qua đó, có thể thấy người Trung Quốc coi trọng giá trị như thế nào.

Trong Lý học, có hai thuyết về *Tính*. Một là để chỉ *Tính* của “mọi vật đều có chung một nguồn” (lời của Trương Tải) và có liên quan tới “Đức lớn của trời đất là sinh” được nói trong *Chu dịch*. Giới tự nhiên có “đức sinh”, đây là thứ mà triết thuyết chủ thể của phương Tây không thể chấp nhận. “Đức” và “sinh” là từ vựng giá trị, nội dung cơ bản của nó là “sinh”, ý nghĩa cơ bản của nó là “thiện”, những “Nguyên giả thiện chi trường” [Điều lớn lao, trọn vẹn là chỗ sở trường của thiện], “kế thiện thành Tính” [nội tiếp điều thiện thành Tính] chính là như vậy. *Thiện* chỉ mục đích của sáng tạo sinh mệnh, *Thiện* chính là mục đích, là phát triển hướng đến hoàn thiện, hoàn mỹ. Tống Nho lấy “thiên đức” – đức trời biến thành giá trị cao nhất của giới tự nhiên, bởi vì đã lấy “sinh” làm cơ sở cho tồn tại học của mình. Theo đó, đây là vấn đề giữa “trời và người”, chứ không chỉ là sự trần thuật khách quan nữa.

Thứ nữa, nói rằng “tính” mà con người nắm thụ được là *nhân tính*, gọi chung là “*Tâm tính*”, bởi “tính” nằm trong *Tâm*. Chu Tử nói: “Thứ mà trời ban cho con người gọi là *Tính*”, thực tế là đem *Lý của Sinh* làm nguồn gốc cho nhân tính. Chữ “phú” [ban cho] là sự đưa cho có mục đích. Nếu nói *Lý của Sinh* là tồn tại học, *Lý của Tính* là giá trị học, thì hai cái đó thống nhất với nhau như thế nào? Đây

chính là vấn đề cần giải đáp.

*Lý của Tính* có đầy đủ tính khách quan, tức là “một nguồn của vạn vật” và do vậy, vạn vật đều có *Tính*. Song, trên thực tế, con người không giống với vạn vật, chỉ con người mới có cái toàn vẹn của *Tính*, còn vạn vật “chỉ có được phần nào thôi” (Chu Tử ngữ). Vì sao lại như vậy? Trình Hạo và Chu Hy đều từ góc độ *Khí* để giải thích (không thể nói kỹ được). Quan trọng nhất là, *Lý của Sinh* của trời đất tự nhiên là phổ biến, vô tư, cho nên người và vật đều có thể nắm thụ sự toàn vẹn của nó mà thành *Tính* của mình. Bởi vậy, con người không thể tự cho mình là kẻ ưu việt, mà ngược lại phải có trách nhiệm và nghĩa vụ yêu thương muôn vật.

Tóm lại, *Lý của Tính* là *Lý của Sinh* nằm ở trong con người, con người là sự thực hiện *Lý của Sinh*. Con người trước hết là sinh mệnh tồn tại, đồng thời có đầy đủ giá trị, là sự tồn tại có giá trị. Giá trị của nó tuy bắt nguồn từ *Lý của Sinh*, nhưng kỳ thực hoàn toàn ở trong bản thân con người. Tính chủ thể, tính sáng tạo của con người chủ yếu biểu hiện ra ở đây.

*Thứ sáu*, đó là cái “*Khiến cho nó như thế*”. Ở đây, bàn đến Lý từ góc độ “nguyên nhân động lực”, chỉ ra sự sinh trưởng, biến hoá của vạn vật là *Lý* “khiến cho nó như thế”. Chu Hy coi trọng sự vận động biến đổi của vạn vật, mà động lực thúc đẩy sự vận động, biến đổi của chúng đều là *Lý*. Vấn đề đặt ra là, *Lý* của sự vận động có vận động không? Đây là vấn đề gây ra tranh cãi. Chu Tử đưa ra thí dụ “như người leo ngựa”: *Lý* ở trên vật, khiến cho vật vận động, giống như người ở trên ngựa, khiến cho ngựa đi. Nhưng về sau, các học giả đã tranh luận về vấn đề này. Tào Thụy đời Nguyên đề xuất

ràng, *Lý* nếu như không động thì làm sao khiến vạn vật động được? Cho đến nay, vẫn có người tranh luận về những vấn đề đó, cho rằng học thuyết của Chu Hy phải chăng có mâu thuẫn? Thực ra, vấn đề này không thể chỉ nhìn dưới góc độ hình thượng hình hạ để nói rằng "hình nhi thượng bất động, thì làm sao khiến hình nhi hạ động" được. Như đã nói ở trên, trong học thuyết của Chu Tử, sự phân biệt hình thượng hình hạ chỉ có ý nghĩa về mặt nhận thức và lôgic, không có ý nghĩa về mặt tồn tại. Xét từ góc độ tồn tại, *Lý* và vật là quan hệ thể dụng, *Lý* có tác dụng động, lại có vận động của vạn vật, vận động của vạn vật chính là sự thể hiện tác dụng của *Lý*, chứ không phải là có một tác dụng động nữa bên ngoài động. Giống như con người có ý muốn đi, sự đi của họ là thể hiện của ý muốn. Đây chính là thuyết "thể dụng một nguồn". Quan hệ thể dụng và quan hệ hình thượng hình hạ có chỗ đối ứng, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Nếu không như vậy thì chỉ nói một câu "hình thượng hình hạ" là đủ, cần gì phải bàn tới "thể dụng" nữa?

Quan hệ thể dụng bàn tới vấn đề tồn tại là phát triển từ quan hệ gốc ngọn mà ra. Giống như một cái cây to, có gốc có ngọn, gốc là thứ quan trọng nhất do rễ sinh ra, ngọn là cành lá hoa quả, thực chất chính là một chỉnh thể sinh mệnh. Quan hệ thể dụng cũng như vậy. Thể tuy là tính bản nguyên, căn nguyên, nhưng nó phải thực hiện thông qua dụng, dụng chính là thực hiện thể, không có một cái thể nằm bên ngoài dụng (Hùng Thập Lục tiên sinh đã có phân tích sâu sắc về vấn đề này). Quan hệ thể dụng là trạng thái động, chứ không phải tĩnh. Do đó, *Lý* không phải là thứ thực

thể đứng im không động đậy, mà là nguyên nhân trong quá trình vận động.

*Thứ bảy*, đó là "*Đạo Lý*". "*Đạo lý*" là cách nói rất thông dụng, như ngày nay người ta thường có câu "Làm việc gì cũng cần có đạo lý", "người này không có đạo lý". Nhưng, rốt cục, đạo lý là gì, đạo lý nào? Theo học thuyết của Chu Hy, đạo lý dùng để chỉ đạo đức, nghĩa lý, nói cụ thể hơn, đó chính là "tình lý", tức cái "tình của lý trời", "hợp tình hợp lý". Hợp lý hợp tình, tình lý hợp nhất là "đạo lý". Chu Tử nói: "Nay đem *Lý* ra để nói, xét cho cùng thì vô hình ảnh, chỉ là cái đạo lý này. Có đạo lý như vậy, đồng thời làm được nhiều việc, cho nên có thể trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi vậy" (*Ngũ loại*, quyển 4). *Lý* không có hình ảnh, không nhìn thấy, không sờ được, nhưng lại có nội dung thực tế, đó là tình cảm đạo đức. Do vậy, khi nói hoặc thể hiện ra qua hành động, thì có thể tạo ra nhiều việc như trắc ẩn, v.v.. Những việc đó đều là việc trong tình lý, không trừu tượng chút nào. Ông lấy tình trong "tứ đoạn" của Mạnh Tử để giải thích "đạo lý", để chứng tỏ rằng "đạo lý" là cụ thể, không phải là trừu tượng. Nó tuy chỉ là đạo lý trong đời sống thường ngày, nhưng lại rất cao vợi, đúng là "đạo trung dung nhi cực cao minh", cao đến tận cái *Lý* của Thái cực, "*Thái cực giả, Lý chi cực chi*" [*Thái cực* là chỗ đến cao nhất của *Lý*], là đạo lý cực tốt cực đẹp. "*Đạo lý*" này là mục đích theo đuổi cao nhất của đời người. Ở đây, "*đạo lý*" chính là "*cái lý khiến cho và phải là*".

(Còn tiếp)

**Người dịch:** ThS. TRẦN THỊ THUYẾT NGỌC

(*Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*).